

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018; Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018; Luật Chuyển giao công nghệ ngày 09 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 71- NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5792/VPCP-NN ngày 15 tháng 8 năm 2024 và văn bản số 8707/VPCP-NN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong công tác chuyển giao công nghệ, thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức, đào tạo, tri thức hoá nông dân, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, giảm phát thải, xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

2. Đổi mới toàn diện công tác khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp, lấy nông dân làm chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển, nâng cao năng lực của nông dân và các tác nhân trong chuỗi ngành hàng nông nghiệp; mở rộng nội dung hoạt động từ chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất là chính sang cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng, tổ chức sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

3. Phát triển khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, trong đó khuyến nông nhà nước giữ vai trò trung tâm, định hướng hoạt động, huy động nguồn lực và kết nối các bên tham gia; đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác công tư, tăng cường sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia vào hệ sinh thái khuyến nông.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông: 100% cán bộ khuyến nông nhà nước được chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp khuyến nông, được đào tạo bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số; 100% cán bộ của hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tổ khuyến nông cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật mới và các kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số phục vụ hoạt động khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

b) Đào tạo nông dân chuyên nghiệp: 100% nông dân tham gia chuỗi liên

kết ở các vùng nguyên liệu được đào tạo về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường.

c) Chuyển giao công nghệ: Các mô hình, dự án khuyến nông tập trung chuyển giao đồng bộ giải pháp, công nghệ tiên tiến, tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị, đảm bảo 100% sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng hiệu quả kinh tế trên 15%, giảm chi phí đầu vào trên 10% và được nhân rộng trong các chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực.

d) Khuyến nông giảm nghèo: Trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo tạo sinh kế ổn định bền vững cho nông dân nghèo.

đ) Chuyển đổi số hoạt động khuyến nông: 100% mô hình khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý trên hệ thống khuyến nông số; trên 50% lớp tập huấn khuyến nông được triển khai trên nền tảng khuyến nông số; 100% tài liệu kỹ thuật khuyến nông được số hóa, phổ biến trên hệ thống khuyến nông số; 100% sản phẩm của mô hình, dự án khuyến nông được giới thiệu, quảng bá trên các sàn thương mại điện tử hoặc môi trường số.

e) Xã hội hoá hoạt động khuyến nông: 100% tài liệu khuyến nông có sự tham gia biên soạn của các viện, trường, chuyên gia, doanh nghiệp; trên 50% mô hình, dự án khuyến nông có sự huy động nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế cho hoạt động khuyến nông thông qua các chương trình, dự án hợp tác công tư, tài trợ kỹ thuật, dự án liên kết.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng hệ thống khuyến nông chuyên nghiệp, hiện đại, thông minh, đủ năng lực kết nối, dẫn dắt, lan tỏa tri thức và giá trị trong hệ sinh thái nông nghiệp. Nông dân được tiếp cận hiệu quả với dịch vụ khuyến nông thông qua nền tảng số tích hợp và đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, trình độ cao. Phát triển hệ sinh thái khuyến nông hợp tác công tư năng động, kết nối chặt chẽ với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thị trường và nguồn lực tài chính, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh, phát thải thấp, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển khuyến nông

a) Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan về phát triển khuyến nông.

b) Xây dựng chính sách xã hội hóa, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển các hoạt động khuyến nông.

2. Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông

a) Hoàn thiện hệ thống khuyến nông nhà nước phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, thống nhất về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp nhằm phát

huy hiệu quả hoạt động. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông để làm tốt vai trò, nhiệm vụ khuyến nông nhà nước, huy động nguồn lực, kết nối các bên tham gia phục vụ cho các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, chiến lược về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Củng cố lực lượng khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng để đồng hành với nông dân, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tiễn sản xuất.

c) Phát triển lực lượng cộng tác viên khuyến nông ở các hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tăng cường năng lực cho lực lượng cộng tác viên này về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật mới và các kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số để phục vụ hoạt động khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

d) Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học, nghệ nhân, nông dân giỏi tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, từng bước xây dựng đội ngũ “chuyên gia tư vấn khuyến nông” chuyên nghiệp.

đ) Bổ sung chuyên ngành khuyến nông vào chương trình đào tạo các ngành, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

e) Xây dựng cơ chế chính sách tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng. Xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, tâm huyết, có trình độ cao, am hiểu công nghệ và thị trường; nâng cao năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp

a) Đào tạo nông dân về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các yêu cầu của thị trường để nông dân sản xuất ra các sản phẩm đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, ưu tiên các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn.

b) Hướng dẫn nông dân tổ chức lại sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

c) Thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cho nông dân về tư duy kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, tăng trưởng xanh, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; nhân rộng, lan toả các mô hình nông dân

sản xuất giỏi, nông dân làm kinh tế giỏi, nông dân dạy nông dân.

4. Chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững

a) Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trọng điểm phục vụ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực quốc gia gắn với các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung quy mô lớn đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

b) Tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa; Tăng cường hoạt động khuyến nông nhằm xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực sản xuất và tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương.

c) Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp du lịch, nông nghiệp đô thị,... Đánh giá, nhân rộng các mô hình hiệu quả, giới thiệu công nghệ và phương pháp quản lý mới.

5. Khuyến nông giảm nghèo, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng các mô hình khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

b) Xây dựng các mô hình khuyến nông chuyển giao các biện pháp kỹ thuật canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ nông dân phát triển các sản phẩm đặc sản, bản địa, ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP gắn với bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

d) Xây dựng tài liệu, ấn phẩm và chương trình truyền thông khuyến nông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số và đa dạng hoá các hình thức phát hành nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số.

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến nông gắn với chính sách bảo hiểm nông nghiệp nhằm hỗ trợ nông dân giảm thiểu rủi ro, khôi phục sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội.

6. Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông

a) Xây dựng và vận hành nền tảng khuyến nông số phục vụ đào tạo, tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn kỹ thuật, kết nối thị trường, giới thiệu quảng bá

sản phẩm cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và triển khai các mô hình, dự án khuyến nông, số hoá, dữ liệu hoá những kết quả của mô hình và kết nối, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của các mô hình, dự án khuyến nông trên các sàn thương mại điện tử và môi trường số.

c) Phát triển đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin cho hệ thống khuyến nông từ trung ương đến cơ sở, bao gồm thiết bị phần cứng, phần mềm, đường truyền, cơ sở dữ liệu và công cụ quản trị phục vụ tư vấn, đào tạo và đánh giá.

d) Đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân chủ chốt, góp phần xây dựng lực lượng nông dân số, nông dân thông minh.

đ) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, các viện, trường đề tích hợp và ứng dụng giải pháp công nghệ mới trong khuyến nông: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), mô phỏng canh tác, video tương tác, trợ lý ảo hỗ trợ nông dân.

7. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông

a) Huy động sự tham gia của các viện, trường, chuyên gia trong đào tạo phát triển nhân lực khuyến nông, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và phối hợp với hệ thống khuyến nông để chuyển giao vào sản xuất, ưu tiên các vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

b) Tăng cường hợp tác công tư giữa hệ thống khuyến nông với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc chia sẻ công nghệ, kinh nghiệm, đồng hành triển khai mô hình sản xuất, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

c) Tăng cường thu hút nguồn lực, vận động tài trợ, đề xuất và triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, đối tác song phương và đa phương trong lĩnh vực khuyến nông.

d) Đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ, tiên bộ kỹ thuật từ nước ngoài, áp dụng phù hợp vào điều kiện sản xuất tại Việt Nam.

đ) Đa dạng hóa hình thức hợp tác quốc tế; thúc đẩy công nhận, chứng nhận kết quả hoạt động khuyến nông theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao uy tín và hiệu quả.

e) Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông.

2. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp.

3. Chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực ở các vùng nguyên liệu.

4. Khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

5. Phát triển nền tảng khuyến nông số và hạ tầng công nghệ số.

6. Xã hội hoá hoạt động khuyến nông.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược, bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) cấp hàng năm theo phân cấp hiện hành.

2. Kinh phí huy động hợp pháp từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, kế hoạch, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Vụ Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách về xã hội hóa các hoạt động khuyến nông, chính sách hợp tác với các tổ chức cá nhân trong, ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông;

- Hướng dẫn kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về hoạt động khuyến nông;

- Tổng hợp, đánh giá hoạt động khuyến nông theo quy định.

b) Vụ Kế hoạch – Tài chính

Tổng hợp nhu cầu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và lồng ghép trong các chương trình, đề án khác để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chiến lược.

c) Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn củng cố, kiện toàn hệ

thống khuyến nông các cấp và chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, khuyến khích, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học tham gia hoạt động khuyến nông.

d) Các Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ

Chủ động xây dựng, lồng ghép kế hoạch thực hiện Chiến lược đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của từng lĩnh vực; phối hợp tham gia quản lý, triển khai các chương trình, dự án khuyến nông trung ương nhằm đạt được các mục tiêu của Chiến lược đề ra.

đ) Trung tâm Khuyến nông quốc gia

- Chủ trì xây dựng các dự án khuyến nông ưu tiên trình Bộ phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược.

- Phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu khuyến nông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, hợp tác công tư về chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút, huy động nguồn lực tham gia hoạt động khuyến nông.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược thành chương trình, dự án, kế hoạch phát triển khuyến nông dài hạn, trung hạn và hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành chính sách củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp và xây dựng, phát triển lực lượng khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng; thu hút, huy động nguồn lực xã hội hóa khuyến nông tại địa phương.

- Hằng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chiến lược tại địa phương gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các viện, trường, doanh nghiệp, cơ quan truyền thông liên quan chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương tổ chức tuyên truyền và triển khai

thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính, Nội vụ, GDĐT (để p/h);
- Đảng ủy Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, KHCN.

Q. BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung chính	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông	Hình thành đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, có kiến thức và kỹ năng để trở thành lực lượng nòng cốt trong chuyển giao công nghệ, đồng hành cùng nông dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông nghiệp xanh, hiệu quả và bền vững.	- Xây dựng, ban hành khung năng lực và bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp bảo đảm tính chuyên nghiệp và thống nhất. - Chuẩn hoá chương trình đào tạo, giáo trình được cập nhật kiến thức mới về khoa học, kỹ thuật, tổ chức sản xuất, kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số và thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo đồng bộ, người học dễ tiếp cận. - Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, gắn với chuyển đổi số và thị trường - Phát triển đội ngũ giảng viên nòng cốt, chuyên gia, tư vấn có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ khuyến nông. - Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút, khuyến khích cán bộ khuyến nông ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.	2026-2030
2	Đào tạo nông dân chuyên nghiệp	Hình thành đội ngũ nông dân có tư duy và kỹ năng sản xuất kinh doanh, biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất theo chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập thị trường.	- Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với trình độ sản xuất của nông dân từng vùng, từng ngành hàng, gắn với thực tiễn sản xuất và yêu cầu thị trường. - Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, ưu tiên thực hành tại mô hình sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. - Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng toàn diện cho nông dân về Tổ chức sản xuất, thị trường, ứng dụng chuyển đổi số, truy	2026-2030

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung chính	Thời gian thực hiện
			xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. - Xây dựng hệ thống học liệu đa dạng (video, bài giảng số, cảm nang, sổ tay...), phát triển nền tảng học tập trực tuyến phù hợp với đặc thù vùng sinh thái, dân tộc và ngôn ngữ địa phương.	
3	Chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực ở các vùng nguyên liệu	Hình thành và phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng nông sản chủ lực quốc gia, vùng, địa phương có tính cạnh tranh cao gắn với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu góp phần vào tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp.	- Lựa chọn và xây dựng mô hình chuỗi giá trị theo ngành hàng chủ lực, vùng sinh thái đặc thù. - Tổ chức đào tạo, huấn luyện các tác nhân tham gia chuỗi về quản trị, liên kết, chất lượng, truy xuất nguồn gốc. - Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, đạt chuẩn VietGAP, hữu cơ, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu. - Tăng cường kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc. - Xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại trong nước, quốc tế.	2026-2030
4	Khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn	Tăng cường hoạt động khuyến nông tại các xã vùng đặc biệt khó khăn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực sản xuất và sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần giảm nghèo, cải thiện thu nhập, bảo vệ môi trường và phát triển nông thôn bền vững.	- Xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp điều kiện sinh thái – kinh tế – xã hội địa phương, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu; đồng thời gắn với phát triển sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. - Tổ chức đào tạo, tập huấn tập huấn kỹ thuật tại chỗ cho nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng dự án. Nội dung đào tạo tập trung vào kỹ thuật canh tác phù hợp, phát triển sinh kế, sản phẩm OCOP, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Phương pháp tập huấn trực quan, dễ hiểu, thực hành gắn với mô hình; tài liệu được biên soạn và sử dụng ngôn ngữ địa phương để bảo đảm hiệu quả tiếp nhận. - Xây dựng và nâng cao năng lực tổ khuyến nông cộng đồng ở các xã thuộc vùng dự án, nhằm tăng cường chuyển giao kỹ thuật	2026-2030

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung chính	Thời gian thực hiện
			tại chỗ, hỗ trợ nông dân tiếp cận khoa học kỹ thuật, kết nối thị trường, đẩy mạnh vai trò tự quản và liên kết cộng đồng. - Hỗ trợ phát triển sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP, gắn với chuỗi giá trị và ngành nghề nông thôn; thúc đẩy hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu địa phương và liên kết tiêu thụ sản phẩm bền vững. - Tuyên truyền nhân rộng mô hình: nhân rộng, lan toả các mô hình hiệu quả nhằm góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo tại các địa phương tham gia dự án, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, bảo vệ môi trường và phát triển nông thôn bền vững tại các vùng đặc biệt khó khăn.	
5	Phát triển nền tảng khuyến nông số và hạ tầng công nghệ số	Xây dựng và vận hành nền tảng khuyến nông số quốc gia tích hợp cơ sở dữ liệu sản xuất, học liệu, mô hình kỹ thuật và dịch vụ tư vấn; kết nối hệ thống ba cấp từ Trung ương đến địa phương và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành, liên ngành. Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho khuyến nông cơ sở, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, bảo đảm năng lực ứng dụng chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động khuyến nông.	- Phát triển nền tảng khuyến nông số quốc gia với các chức năng tích hợp: cơ sở dữ liệu sản xuất, học liệu điện tử, mô hình kỹ thuật, công cụ tư vấn và quản trị mô hình. - Kết nối liên thông hệ thống nền tảng của Trung ương với cấp tỉnh, cấp xã và tích hợp với các cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, tài nguyên, khí tượng, tài chính nông thôn... - Chuẩn hóa và số hóa dữ liệu sản xuất nông nghiệp, mô hình trình diễn, tài liệu huấn luyện và quy trình kỹ thuật tại địa phương. - Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin (thiết bị đầu cuối, phần mềm, đường truyền) cho cán bộ khuyến nông và điểm tư vấn kỹ thuật cấp xã, đặc biệt ở vùng khó khăn. - Xây dựng và phổ cập kho học liệu khuyến nông điện tử (multimedia), phục vụ đào tạo, huấn luyện và tư vấn trực tuyến. - Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên và người dân; thúc đẩy ứng dụng các công nghệ mới như AI, dữ	2026-2030

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung chính	Thời gian thực hiện
			liệu lớn, mô phỏng, chatbot trong dịch vụ khuyến nông.	
6	Xã hội hoá hoạt động khuyến nông	Huy động nguồn lực toàn xã hội, đặc biệt từ doanh nghiệp, hợp tác xã, viện nghiên cứu và trường đại học, tham gia cung cấp dịch vụ khuyến nông góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển nền nông nghiệp hàng hoá theo hướng bền vững.	- Hợp tác giữa các tổ chức khuyến nông nhà nước với các viện, trường về xây dựng giáo trình, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông phục vụ công tác tập huấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ. - Hợp tác giữa các tổ chức khuyến nông nhà nước với các doanh nghiệp, hợp tác xã về xây dựng vùng nguyên liệu, tổ chức lại sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, xây dựng mã số vùng trồng, chứng nhận chất lượng sản phẩm (ở các vùng nguyên liệu). - Hợp tác giữa các tổ chức khuyến nông nhà nước với các tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp. - Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo nhằm thúc đẩy hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ, liên kết chuỗi giá trị phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	2026-2030